

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2017/DS-PT
Ngày 25-10- 2017
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng
Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Mỹ Thùy H, sinh năm: 1971
Cư trú tại: 24/5B Đường A, Phường 4, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm: 1973
Cư trú tại: 21/4 (17/2 cũ) Đường B, Phường 4, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1976
Cư trú tại: 49/2 Đường C, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.
Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1976
Cư trú tại: 49/2 Đường C, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Thủy T.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2017, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn bà Trương Mỹ Thùy H thì:

Do quen từ trước nên năm 2016 bà Trương Mỹ Thùy H đã cho bà Nguyễn Thị Thủy T vay tiền 02 lần với tổng cộng số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, không tính lãi suất. Sau đó đến hạn thanh toán nhưng bà T cứ khất nợ nhiều lần mà vẫn không trả. Ngày 10/11/2016 bà T đã viết giấy xác nhận nợ và hẹn đến ngày 31/12/2016 sẽ trả 300.000.000đ. Số tiền còn lại sẽ trả dần trong vòng 02 tháng. Tuy nhiên đến nay bà T vẫn không thanh toán như cam kết nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thủy T trả lại số tiền đã vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng); ngoài ra bà H không có yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai của bà Nguyễn Thị Thu N là người đại diện theo ủy quyền cả bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì:

Do có quen biết nên vào ngày 11/01/2016, bà N có nhờ bà Nguyễn Thị Thủy T có vay của bà Trương Mỹ Thùy H số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ngày 01/02/2016 bà Nguyễn Thị Thủy T tiếp tục vay của bà Trương Mỹ Thùy H số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) với lãi suất 24.000.000đ/tháng. Ngày 14/12/2016 bà N đã trả cho bà H được 50.000.000đ tiền gốc và 200.000.000đ tiền lãi. Vì vậy hiện nay bà T chỉ còn nợ bà H 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Do việc làm ăn gặp khó khăn nên bà N đề nghị Tòa án xem xét cho thời hạn 06 tháng thì bà N sẽ thanh toán đầy đủ số nợ cho bà H.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; đồng thời nguyên đơn có xin không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X đã xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ Thùy H khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Thủy T phải trả cho bà Trương Mỹ Thùy H số tiền 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T kháng cáo bản án số 09/2017/DS-ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu N có trách nhiệm thanh toán số tiền 480.000.000đồng cho bà Trương Mỹ Hương vì bà N đồng ý nhận số nợ này

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà N và bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bà H không đồng ý với kháng cáo của bà T, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thủy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm; xử lý việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Xuất phát từ việc do quen biết từ trước nên bà H có cho bà T vay tiền, nhưng các bên không thống nhất được việc thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng dân sự vay tài sản” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] *Xét kháng cáo của bà T thì thấy rằng:* Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thể hiện: Theo bản gốc giấy nhận nợ ngày 10/11/2016 (bút lục 34) bà T thừa nhận có vay của bà H số tiền là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng chẵn*). Như vậy, quan hệ vay mượn tiền giữa bà H và bà T là có trên thực tế và được các bên thừa nhận.

Việc bà N khai rằng, bà có nhờ bà T vay tiền của bà H và sẽ có trách nhiệm trả tiền cho bà H đồng thời đã trả được cho bà H 50.000.000đồng tiền gốc và 200.000.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên, bà N không có chứng cứ để chứng minh và bà H cũng không thừa nhận. Hơn nữa, bà H chỉ xác nhận vào ngày 23/6/2017 bà T đã nhờ bà N trả 20.000.000đồng nên bà H chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 480.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H để buộc bà T phải thanh toán lại cho bà H số tiền 480.000.000đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà H thì thấy rằng: Ngày 27/9/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X đã xác nhận

việc tặng, cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị Thủy T đối với ông Võ Hùng C, ông Võ Văn H1 là nhà đất thửa số 102, tờ bản đồ 51, diện tích 300m² tại số 17/2 Đường B, Phường 4, thành phố X đã được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/10/2003 cho ba người là bà Nguyễn Thị Thủy T, ông Võ Hùng C, ông Võ Văn H1.

Đến ngày 04/10/2017, bà H mới có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nói trên. Do tài sản trên đồng sở hữu không thể chia tách được và bà H yêu cầu áp dụng biện pháp biện pháp khẩn cấp tạm thời sau khi hợp đồng tặng cho đã hoàn thành nên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ.

Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thừa nhận việc bà T hủy bỏ hợp đồng tặng, cho tài sản nhà đất nói trên nên việc thi hành án liên quan đến căn nhà tại 17/2 Đường B, Phường 4, thành phố X sẽ được Cơ quan thi hành án xem xét theo quy định của pháp luật. Do đó, cần hoàn trả bà Trương Mỹ Thùy H số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) đã nộp theo Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 14/2017/QĐ-BPBD ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thủy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thủy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Mỹ Thùy H khởi kiện bà Nguyễn Thị Thủy T về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Thủy T phải trả cho bà Trương Mỹ Thùy H số tiền 480.000.000đồng (*bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Hoàn trả bà Trương Mỹ Thùy H số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) đã nộp theo Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 14/2017/QĐ-BPBD ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu 23.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001653 ngày 20/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X. Bà T còn phải nộp 23.200.000đ án phí.

Hoàn trả cho bà Trương Mỹ Thùy H số tiền 12.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008065 ngày 23/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND thành phố X;
- Chi cục THADS thành phố X;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân